

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS - PT
Ngày 27 - 8 - 2024
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tranh chấp lối đi chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Chí Thiện

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Nghĩa

Ông Đặng Phi Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLPT-DS ngày 31/5/2024 “*Về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp lối đi chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1100/2024/QĐ-PT ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1292/2024/QĐ-PT ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Q

Địa chỉ: Ngõ Đ, đường Đ, tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị Q: Anh Nguyễn Quang Đ; Địa chỉ số 26, ngõ 126, M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Trịnh Thị Q: Bà Nguyễn Thị T; Luật sư, Công ty Luật TNHH K, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 26, ngõ 126, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn Đ

Địa chỉ: Tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đoàn Văn Đ: Chị Đoàn Thị V; Địa chỉ: Tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn T; Địa chỉ: Ngõ Đ, đường Đ, tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn T: Anh Trần Anh Q; Địa chỉ: Tổ 07, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Đoàn Văn P và bà Phạm Thị Gái.

Cùng địa chỉ: Tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Chuyên; Địa chỉ: Số 04, ngõ Đ, đường Đ, tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trịnh Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Q, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Quang Đạo trình bày:

Bà Trịnh Thị Q và chồng là ông Mai Văn T quản lý, sử dụng diện tích đất ở là 441,6m² và đất vườn 1.132,4m² thuộc tờ bản đồ số P5-22 (475378-8-cb); Địa chỉ: Tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai, được đo đạc năm 2000 mang tên bà Phùng Thị M, tài sản gắn liền trên đất gồm 01 ngôi nhà 03 gian lợp ngói đỏ và 01 gian bếp. Năm 2021, khi nhà nước tiến hành đo đạc lại bản đồ địa chính, thì thửa đất số 97, tờ bản đồ số 25, diện tích 344,2m² và thửa số 107, tờ bản đồ số 25, diện tích 1.383,8m² quy chủ mang tên ông Mai Văn T, nguồn gốc đất là bà Q, ông Thiệp nhận chuyển nhượng của bà Phùng Thị M vào ngày 04/02/2002.

Diện tích đất của gia đình bà và đất của gia đình anh Đ tách biệt, ranh giới là con đường đi chung hình thành có lịch sử từ lâu, được những người sống trong khu vực gồm có bà Đặng Thị H, bà Nguyễn Thị T, bà Vũ Thị T, bà Đặng Thị N xác nhận. Ngày 15/3/2023 anh Đ đã tự ý đổ khoảng 10m³ đất, đá lên khu đất trên, khu vực đổ khoảng 20m², thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 25, diện tích đất này có chiều dài khoảng 20m chạy dọc theo ngõ đi chung, chiều rộng khoảng 01m và chặt 02 cây Tống Cuốn Sủi do bà M trồng từ trước để xác định mốc giới. Diện tích đất có tứ cận như sau: Một cạnh giáp đường đi chung xuống Đ, một cạnh giáp với phần đất của gia đình bà, một cạnh giáp đất hộ gia đình ông bà Tuấn Thúy, một cạnh giáp đất hộ gia đình ông, bà T. Bà Q đã nhiều lần yêu cầu anh Đ không đổ đất, đá vào đất của gia đình bà nhưng anh Đ không chấm dứt hành vi.

Vì vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc anh Đ, chị Chuyền phải di dời khối lượng đất, đá đã đổ và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà và công nhận quyền sử dụng đất của bà đối với diện tích đất nói trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bà Q đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án: Buộc anh Đ, chị C trả lại diện tích đất 29,9m². Rút yêu cầu khởi kiện về buộc anh Đ, chị C phải trả diện tích đất 37,1m². Rút yêu cầu về buộc anh Đ và chị Chuyền phải di dời khối lượng đất đá đã đổ vào diện tích đất 29,9m².

Ngày 12/01/2024, bà Q tiếp tục thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị.

1/ Buộc anh Đ, chị C, ông P và bà G trả lại diện tích đất là 6,3m², thuộc thửa số 107, tờ bản đồ số 25 và 3,4m², thuộc thửa số 97, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính năm 2021 quy chủ mang tên ông Thiệp cho bà.

2/ Công nhận ông Mai Văn T và bà Trịnh Thị Q là người sử dụng hợp pháp diện tích đất trên.

3/ Công nhận diện tích đất 20,2m² nằm trong tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính năm 2021 là lỗi đi chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T trình bày:

Nhất trí với lời trình bày và đề nghị của bà Trịnh Thị Q.

Bị đơn anh Đoàn Văn Đ trình bày:

Bố mẹ anh là ông Đoàn Văn P, bà Phạm Thị G có khai hoang từ năm 1976 được một diện tích đất, đã được nhà nước đo đạc và cấp quyền sử dụng đất từ năm 1991, thể hiện trên sơ đồ giải thửa năm 2014 và được duyệt năm 2018, trong quá trình sử dụng không tranh chấp. Khoảng từ năm 1987 đến năm 1993, gia đình anh đào 04 ao thả cá, trong đó có 02 ao giáp ranh với đất của gia đình ông bà P X (sau này là gia đình bà Q). Năm 1990, gia đình ông bà P X chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phùng Thị M, khi đó bà M đã cùng ông P, bà G thống nhất về ranh giới, phần dưới chân tả ly hướng về phía nhà bà Mai, từ chân tả ly bờ ao hướng về phía trên là đường mòn do ông P, bà G quản lý. Năm 2002, bà Mai chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Q đã xác định rõ ranh giới giữa đất bà Q với đất ông P, bà G, phía đất nhà bà Q thấp hơn đất ông P, bà G.

Khoảng năm 1993 đến năm 1994, các hộ gia đình xóm 03 thị trấn S cùng ông Đoàn Văn G nhiều lần sửa chữa và nâng cấp đường đi xuống đền Mẫu Thượng. Khoảng năm 1996-1997, ông P, bà G trồng hàng cây Thông và cây Tống Cuốn Sủi, đến nay vẫn còn hàng cây đó chính là bờ ao cũ và là phần diện tích đất gia đình đã hiến để làm đường còn thừa khi nắn đường.

Năm 2014, bố mẹ anh Đ giao phần đất của gia đình cho anh và anh là chị Nguyễn Thị C sử dụng, khi đó anh Đ có kê khai đất nhưng không kê khai phần diện tích đất khi hiến để làm đường còn thừa mà hiện nay đang tranh chấp. Năm 2017, Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) thị trấn S hỗ trợ 10 tấn xi măng, tôi cùng ông L, anh H (hàng xóm) đã đứng ra vận động các hộ gia đình hiến đất,

góp tiền, góp công để mở rộng đường, các hộ hiến đất là hộ ông L, ông H, bà H, ông H, ông N và gia đình anh anh Đ. Trong quá trình làm đường đến khu vực cột điện đường bị cong và phía dưới lại có ao, nên gia đình anh Đ đã hiến thêm đất để nắn đường cho thẳng, tránh đi vào cột điện và ao. Phần diện tích đất còn thừa khoảng 20m² sau khi nắn đường, tính từ cột điện đi lên đường quốc lộ 4D, phía bên tay phải giáp đất bà Q, phía bên trái giáp đường ngõ đền Mẫu Thượng gia đình anh tuy chưa kê khai đăng ký nhưng vẫn quản lý sử dụng vì vậy, anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Q

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phurong, bà Gái, chị Chuyền đều nhất trí với lời trình bày của anh Đ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà Q.

Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 164, Điều 166, Điều 254, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1, 4, 15 Điều 3, khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 4 Điều 165, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm c, g khoản 1 Điều 217, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Q:

Buộc ông Đoàn Văn P, bà Phạm Thị G, anh Đoàn Văn Đ và chị Nguyễn Thị C phải trả diện tích đất 9,7m², trong đó có diện tích đất 6,3m², thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính năm 2021 và trả lại diện tích đất 3,4m², thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính năm 2021; Địa chỉ tại: Tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai cho bà Q.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Trịnh Thị Q về việc công nhận diện tích đất 9,7m², trong đó có diện tích đất 6,3m², thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính năm 2021 và diện tích đất 3,4m², thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính năm 2021 theo địa chỉ trên mang tên ông Mai Văn T thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T và bà G.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, về việc công nhận diện tích đất 20,2m² nằm trong tờ bản đồ số 25; Địa chỉ: Tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai, bản đồ địa chính năm 2021 là lối đi chung.

(Kèm bảng kê tọa độ và sơ đồ thửa đất, sơ đồ thửa đất bổ sung điểm tọa độ, kèm theo và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ không tách rời bản án).

Đình chỉ những nội dung đã rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về lỗi suất chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/5/2024 bà Trịnh Thị Q kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của bà Q về việc công nhận diện tích 20,2m² nằm trong tờ bản đồ số 25 là lỗi đi chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Q có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2023 thì diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn bà Q xác định là 67,0m², bị đơn anh Đ xác định là 29,9m².

Theo văn bản số 593/TNMT-QLĐĐ ngày 19/12/2023 của Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã S, đối với diện tích đất tranh chấp 29,9m² do anh Đ chỉ tại thực địa khi lồng ghép lên Bản đồ địa chính phường P năm 2021 thì có 6,3m² nằm trong thửa số 107, tờ bản đồ 25, được quy chủ mang tên ông Mai Văn T, loại đất: Đất trồng cây hàng năm (NHK); Có 3,4m² nằm trong thửa số 97, tờ bản đồ số 25, được quy chủ mang tên ông Mai Văn T, loại đất: Đất ở tại đô thị (ODT); Có 20,2m² nằm trong tờ bản đồ số 25 là đất giao thông. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, bà Q thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định diện tích đất tranh chấp là 29,9m² và yêu cầu:

- Buộc anh Đoàn Văn Đ, chị Nguyễn Thị C, ông Đoàn Văn P và bà Phạm Thị G trả lại diện tích đất 9,7m² gồm 6,3m² thuộc thửa số 107 và 3,4m² thuộc thửa số 97, tờ bản đồ số 25, theo bản đồ địa chính năm 2021 quy chủ mang tên ông Mai Văn T.

- Công nhận bà Trịnh Thị Q và ông Mai Văn T có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất trên.

- Công nhận diện tích 20,2m² nằm trong tờ bản đồ số 25 là lỗi đi chung.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q, Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc ông P, bà G, anh Đ, chị C phải trả diện tích đất 9,7m² theo địa chỉ trên. Nhưng bản án sơ thẩm nhận định yêu cầu của bà Q về công nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất trên thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên đã đình chỉ là chưa phù hợp. Vì bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q buộc bị đơn phải trả lại đất cho nguyên đơn tức là xác định bà Q, ông T có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này. Bà Q, ông T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật mới đúng. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo về phần này, theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm như sau: *“Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”*. Do bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất 9,7m², không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của Nguyên đơn bà Trịnh Thị Q:

Theo Đơn kháng cáo, bà Q cho rằng bản án sơ thẩm nhận định diện tích đất này do gia đình anh Đ đang quản lý là không đúng, diện tích 20,2m² nằm trong tờ bản đồ số 25 là đất giao thông, không thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, từ trước đến nay gia đình anh Đ cũng không quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Xét thấy: Đối với diện tích đất tranh chấp 20,2m² chưa được cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân nào, căn cứ vào kết quả lồng ghép diện tích đất lên bản đồ địa chính phường P năm 2021 thì diện tích đất này là đất giao thông. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã thu thập chứng cứ: Sổ mục kê đất đai, hồ sơ kỹ thuật các thửa đất quy chủ cho ông Mai Văn T và các thửa đất quy chủ cho anh Đoàn Văn Đ có liên quan đến diện tích đất tranh chấp. Căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính (bl 284) thấy rằng giữa thửa đất số 64, 85, 302, 303 quy chủ cho anh Đ và thửa đất số 97, 107 quy chủ cho ông T thể hiện là ngõ Đền Mẫu Thượng, đường bê tông.

Đối với việc xác định nguồn gốc đất Bản án sơ thẩm xem xét, đánh giá lời khai của bà Mai là người chuyển nhượng đất cho bà Q. Cụ thể, tại phiên tòa sơ thẩm bà M xác định đối với diện tích đất tranh chấp bà không chuyển nhượng cho bà Q, ông T và các cây Thông, cây Tống Cuốn Sủi trên đất tranh chấp là do ông P, bà G trồng nên thuộc quyền sử dụng của ông P, bà G.

Văn bản số 27/UBND-ĐC ngày 22/01/2024 của UBND phường P (BL 207) có nội dung UBND phường quản lý phần đường đi chung là ngõ, xóm theo hiện trạng từ đường Đ đến Đền Thượng (đất giao thông), không quản lý phần hành lang, vỉa hè của đường ngõ, xóm, như vậy diện tích 20,2m² được quy chủ trên bản đồ địa chính là đất giao thông do UBND phường P quản lý.

Văn bản số 396/UBND-TNMT ngày 15/8/2024 của UBND phường P tái khẳng định diện tích đất tranh chấp 20,2m² là đất giao thông do UBND phường P quản lý.

Văn bản số 2872/UBND-TNMT ngày 21/8/2024 của UBND thị xã S, tỉnh Lào Cai cũng khẳng định diện tích đất tranh chấp 20,2m² là đất giao thông do UBND phường P quản lý, diện tích này không bao gồm hành lang vỉa hè. Như vậy khẳng định diện tích 20,2m² là đất giao thông do UBND phường P quản lý, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng thấy rằng có căn cứ xác định diện tích đất 20,2m² có nguồn gốc là đất của hộ ông P, bà G, ông bà đã sử dụng, trồng cây trên đất. Tuy nhiên quá trình sử dụng đất gia đình ông P, bà G đã hiến đất để làm đường đi từ đầu đường Đ xuống Đền Mẫu Thượng. Mặc dù anh Đ cũng như những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều xác nhận khi hiến đất thì có phần đất còn thừa khoảng 20m² trả lại cho gia đình anh Đ tiếp tục quản lý, sử dụng nhưng anh Đ cũng xác nhận gia đình anh không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Vì vậy, theo Bản đồ địa chính phường P năm 2021 xác định diện tích đất này là đất giao thông, nên không một tổ chức, cá nhân nào có quyền chiếm giữ và định đoạt.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Q, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần này.

[5] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm về việc đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Q đã rút không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn bà Trịnh Thị Q. Giữ nguyên phần của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai về việc:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Q về việc công nhận diện tích đất 20,2m² nằm trong tờ bản đồ số 25; Địa chỉ tổ 03, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai, bản đồ địa chính năm 2021 là lối đi chung.

2. Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Trịnh Thị Q phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Trịnh Thị Q đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P, số 0001576 ngày 07/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S. Bà Trịnh Thị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thị xã S;
- Chi cục THADS thị xã S;
- Các đương sự;
- Người BV Q&LIHP;
- Lưu VT, HSVA.

Phùng Chí Thiện